

Số: 305 /QĐ-BVU

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 25 tháng 8 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

### VỀ VIỆC BAN HÀNH Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg ngày 27/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 433/QĐ-ĐHBRVT ngày 19/5/2016 của Hội đồng quản trị Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGGĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm Thông tư số 07/2015/TT-BGGĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, áp dụng tại Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 657/QĐ-ĐHBRVT ngày 19 tháng 9 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

**Điều 3.** Trưởng các phòng, viện, đơn vị, cá nhân liên quan và sinh viên trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Như Điều 3;
- Website, egov;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TSKH Hoàng Văn Kiểm

## QUY ĐỊNH

### Đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 305/QĐ-BVU ngày 25/08/2017 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đào tạo trình độ đại học, cao đẳng; liên thông, văn bằng 2 hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi kết thúc học phần; xét, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng.

#### Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (CTĐT) là hệ thống kiến thức lý thuyết và thực hành được thiết kế đồng bộ với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập để đảm bảo người học tích lũy được kiến thức và đạt được năng lực cần thiết đối với mỗi trình độ đào tạo. CTĐT cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện CTĐT.

2. Mỗi CTĐT gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ; điều kiện tiên quyết, học trước (nếu có); nội dung lý thuyết và thực hành; cách thức đánh giá học phần; giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Tổng số tín chỉ (không tính các học phần giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, chuẩn đầu ra ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm) của mỗi CTĐT:

- a) Đại học chính quy: tối thiểu 120 tín chỉ;
- b) Cao đẳng chính quy: tối thiểu 60 tín chỉ;

c) Đào tạo liên thông: tùy thuộc kết quả học tập bậc trung cấp và cao đẳng của từng sinh viên để xác định số học phần và tổng số tín chỉ cần phải học theo quy định.

d) Đại học văn bằng hai: từ 70 đến 90 tín chỉ tùy theo kết quả học tập đại học bằng thứ nhất của sinh viên.

### **Điều 3. Học phần và tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Học phần có khối lượng từ 1 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần trong CTĐT được ký hiệu bằng một mã số riêng và tự động cập nhật trong hệ thống quản lý của Trường.

#### **2. Các loại học phần**

a) Theo tính chất của học phần, gồm có:

- Học phần lý thuyết: là học phần mà giảng viên và sinh viên thực hiện trên lớp, bao gồm thuyết trình, sửa bài tập, thảo luận, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên hoặc qua các lớp học video trực tuyến;

- Học phần thực hành, thực tập: là học phần sinh viên làm thực hành, khảo sát thực địa, điền dã, làm việc tại doanh nghiệp...;

- Học phần kết hợp lý thuyết và thực hành: là học phần có một phần giảng lý thuyết của giảng viên; một phần sinh viên làm thực hành trên máy tính hoặc khảo sát thực địa.

b) Theo yêu cầu tích lũy kiến thức, gồm có:

- Học phần bắt buộc là học phần có những nội dung kiến thức chính của CTĐT, sinh viên bắt buộc phải hoàn thành học phần này;

- Học phần tự chọn có điều kiện là học phần có những nội dung kiến thức thể hiện tính đa dạng của CTĐT, sinh viên lựa chọn trong số các học phần tự chọn theo quy định của CTĐT để hoàn thành học phần.

c) Theo vai trò của học phần trong CTĐT, gồm có:

- Học phần tiên quyết: học phần X là học phần tiên quyết của học phần Y, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần Y là sinh viên đã đăng ký học và có điểm học phần X từ mức D trở lên;

- Học phần học trước: học phần X là học phần học trước của học phần Y, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học phần Y là sinh viên đã đăng ký và được xác nhận là học xong học phần X (có thể chưa đạt); sinh viên được đăng ký học học phần Y vào kỳ tiếp theo sau học kỳ đã học học phần X;

- Học phần song hành: học phần X là học phần song hành với học phần Y, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần Y là sinh viên đã đăng ký học học phần X; sinh viên được đăng ký học học phần Y vào cùng học kỳ đã đăng ký học học phần X hoặc vào các kỳ tiếp theo.

- Học phần tương đương, học phần thay thế:

+ Học phần tương đương là học phần thuộc CTĐT một khóa học, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay thế cho học phần trong chương trình của ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

+ Học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong chương trình nhưng hiện tại không còn tổ chức giảng dạy và được thay thế bằng một học phần khác đang tổ chức giảng dạy;

+ Các học phần thay thế hoặc tương đương do đơn vị quản lý chuyên môn đề xuất, Hiệu trưởng phê duyệt.

- Học phần điều kiện là các học phần giáo dục thể chất; giáo dục quốc phòng - an ninh; các học phần học để đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng mềm. Kết quả đánh giá các học phần điều kiện không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm toàn khóa học.

d) Đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế đồ án, khóa luận tốt nghiệp là học phần tự chọn có điều kiện trong CTĐT.

3. Tín chỉ: được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên, một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết lý thuyết; 30 tiết thảo luận, bài tập; 30 - 45 tiết thực tập, thực hành, thí nghiệm, làm chuyên đề, đồ án, khóa luận tốt nghiệp tại trường; 45 - 90 giờ thực tập cơ sở, thực tập chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp.

a) Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân;

b) Hiệu trưởng quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp.

c) Một tiết học được tính bằng 45 phút.

#### **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

1. Thời gian hoạt động giảng dạy thường xuyên hằng ngày từ 7 giờ đến 20 giờ 30 phút.

2. Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Trường, phòng Đào tạo chủ trì phối hợp với các đơn vị đào tạo xếp thời khóa biểu các lớp học phần được tối ưu nhất.

